

## TÌM NHỮNG VÙNG QUÊ CHO KỊCH

Nhà viết kịch nào cũng cần có *vùng quê* riêng. Tôi thiết tưởng điều ấy chẳng cần biện hộ thêm nữa. Ai chẳng biết cái làng Đại Hoàng có vị trí quan trọng thế nào trong sự nghiệp văn chương của Nam Cao. Cảnh sông nước đồng chiêm còn lưu lại những âm hưởng gì trong từng vần điệu của thơ Nguyễn Khuyến...

Cái mà chúng ta gọi là “vùng quê” ấy đối với một người viết văn có thể là một nhà máy, một đường phố, một đơn vị quân đội, hoặc một mái trường, xóm thợ... Cũng có thể vùng quê văn chương ấy chính là nơi chôn rau cắt rốn của mình. Nhưng cũng có khi là một vùng xa lạ đang trở thành gần gũi. Mỗi người sinh ra thường chỉ có một quê. Song nhà văn lại không nhất thiết như thế. Thậm chí tôi quan niệm rằng, một nhà văn có nhiều vùng quê riêng, thật không phải là một điều dễ dàng. Hay ít nhất đối với tôi, đó là một công việc phải tốn khá nhiều công sức. Tôi yêu nông thôn, nên đã chọn một làng quê làm vùng quê cho kịch mình.

Quê tôi chính là một làng thuộc vùng chiêm trũng tỉnh Nam Định cũ. Nếu chỉ cần có một vùng quê thì đó cũng là một vùng tiêu biểu. Tôi không thể không cảm ơn cái làng của mình đã trang bị cho tôi những vốn liếng hiểu biết về nông thôn khá phong phú và một tâm hồn đồng quê. Cũng có thể nói đó là tất cả vốn liếng, để tôi được bước vào nghề viết về vùng đất nào cũng mang bóng dáng làng tôi trong ấy. Tác phẩm kịch đầu tay của tôi là vở kịch dài *Những người du kích*, viết về chuyện chiến đấu ở một làng ngoại thành Hà Nội. Đoàn Kịch nói Hà Nội dựng năm 1962. Ấy vậy mà khi những bạn bè cùng làng theo dõi vở kịch trên làn sóng của Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam, có người đã viết thư cho tôi rằng: nghe vở kịch, họ rất nhớ làng. Họ quả quyết: vở kịch ấy chính là tôi đã viết về làng của tôi. Mười hai năm sau lại diễn ra một việc trùng lặp: tôi viết vở kịch dài *Xóm vắng* về một làng vùng núi Ninh Bình. Đoàn Kịch nói Ninh Bình dàn dựng vở kịch này, diễn rộng khắp

ở trong tình và cũng đã có lần biểu diễn trên màn ảnh vô tuyến truyền hình. Ở Ninh Bình ai cũng bảo tôi đã ghi lại khá chân thực về những con người ở vùng đất ấy. Vậy mà khi Đoàn kịch Ninh Bình sang Nam Hà, về diễn ở huyện tôi, bà con trong xã nhiều người kéo lên xem. Xem xong có người đến gặp đoàn kịch phát biểu rằng: vở *Xóm vắng* chính là tác giả đã viết về làng của mình. Họ còn dẫn chứng cụ thể ra rằng, những nhân vật trong kịch là ai. Hay câu này, chữ kia chỉ ở làng tôi mới có. Thì ra cái mạch sống của một mảnh đất thân thuộc có thể vượt qua cả dự tính chủ quan, đi vào tác phẩm ngoài ý định của người viết. Tuy nhiên, chỉ một vùng quê ấy không đủ chất liệu để viết lên những tác phẩm, nhất là khi muốn có những tác phẩm phản ánh nông thôn một cách toàn diện. Mười mấy năm làm công tác ở tạp chí Sân khấu và báo Văn nghệ, tôi có điều kiện tiếp xúc với khá nhiều vùng nông thôn. Tài liệu ghi chép được không phải là ít. Nhưng mỗi khi ngồi vào bàn viết văn không thể đến với đời sống theo cách người làm báo được: Đến xã, xuất trình giấy tờ, gặp gỡ với chủ tịch hay bí thư nghe một bản báo cáo về tình hình chung; đi thăm đồng ruộng và những công trình của hợp tác. Có thể ở lại vài ba ngày nghiên cứu sâu vào một vấn đề nào mình thích thú. Hay làm quen với những nhân vật tiêu biểu. Một chuyến đi như thế, nếu muốn viết một bài ký cũng cần phải viết ngay. Nếu không thời gian sẽ xóa mờ những ấn tượng và những ghi chép được trong sổ tay sẽ thành khô cứng. Xin các bạn đừng hiểu nhầm là tôi cố ý bác bỏ một lối đi thực tế như vậy. Tôi muốn nói rằng: chỉ tiếp xúc với thực tế như thế đối với một người viết văn, viết kịch là chưa đủ. Ngoài cái cách đi rộng, lại rất cần cắm chân ở một nơi mà đặt ba lô xuống, anh thấy vui như đã về nhà mình. Xa, anh thấy nhớ. Trong ý nghĩ mọi người cái ấn tượng anh là nhà văn, nhà báo phải được xóa mờ đi. Mọi người đến với anh như đến với những người có thể tâm sự, có thể giải bày được. Ai mà chẳng biết chỉ có thể vào sâu cuộc đời những con người mới tìm ra những cốt truyện kịch lý thú và riêng biệt. Chỉ có quan sát kỹ những con người mà hành động được lặp lại trong nhiều tình huống mới hiểu được thực chất của một lối sống, một cách nghĩ. Đó chính là chất liệu thực để có thể xây dựng những nhân vật có được tính riêng biệt trong tác phẩm. Và tổng hòa chất liệu của cuộc sống chân thực ấy, mới có thể

mách bảo cho anh rằng anh cần nói gì với cuộc sống. Tất cả những việc ấy chỉ có thể làm tốt khi có được một nơi dừng chân để mà quan sát. Nhưng dừng lại thì khó quá.

Tôi đi nhiều, có nơi ở khá lâu. Nhưng những gì mong muốn ở những nơi mình đến vẫn chưa đạt được. Thế rồi lần ấy trong chuyến đi về nông thôn Ninh Bình, tôi gặp được một người bạn công tác ở Ty Văn hóa. Anh mời tôi cùng về thăm một làng ở vùng đồng chiêm trũng, nơi anh đã từng phụ đạo phong trào văn nghệ. Nghe nói đây cũng là một trọng điểm mà huyện lấy làm nơi chỉ đạo việc cải tiến quản lý ở một vùng yếu kém. Chúng tôi cách làng ba cây số đã phải đi bộ dắt xe. Con đường đất sỏi trắng. Đất thịt được nắng, rắn như sành. Những người đi chưa quen, mắt rời khỏi bước chân là ngã. Đi vào con đường này ai cũng nghĩ ngay tới việc nếu chẳng may mà trời đổ xuống một trận mưa, thì chịu nằm lại chờ nắng, chứ không tài gì mà rút chân ra được. Cái xóm thật nghèo. So với những làng mà tôi vừa đi qua, cái xóm lẻ này như từ cái thời xa xưa còn vương lại. Tôi theo anh bạn bước vào một căn nhà tranh trình tường, có vẩy thêm ra một chái đặt chiếc cối giã gạo bằng cả thân cây gỗ nhãn. Anh bạn đặt ba lô là cắm ngay chiếc tích, chui xuống bếp chặt nước đem lên rót mời tôi, rồi đánh tiếng gọi bâng quơ:

- Cụ đâu rồi? Khách đang đợi chủ về tiếp đây.

Mãi một lát sau, tôi mới thấy tiếng bà cụ thùng thảng nói ở phía vườn chè trước cửa vọng về:

- Còn nhớ đường về cái làng này, tôi cũng vẫn khen chú có tài.

- Có mở mắt ra được lúc nào đâu cụ ơi... Hôm nay con mang cả ông khách tận trung ương về cho cụ đây.

Bà cụ đi, tay vẫn ruồng nắm chè mới hái. Tôi thật không ngờ vừa nhìn thấy, cụ đã mở đầu bằng một câu khôi hài:

- Khách tận trung ương mà trông cũng thường như vậy thôi á?

Câu nói vui làm cả nhà bật cười. Sau cái câu đùa, bà cụ lại xử sự vốn vãi với tôi một cách khác thường. Mới gặp chưa tàn miếng trâu, mà tôi đã được thông báo bao nhiêu sự việc vừa xảy ra trong làng. Nào cái lò thúc mằm vừa xây dựng xong. Ông Uyển không làm chủ nhiệm nữa,

bây giờ lên xã. Cụ nói thắm vào tai anh bạn tôi: “Có vết”. Chuyện con đường thông xã sắp đắp rồi. Lần sau có về thì cứ đi ra quãng đầu quèn rẽ vào là đập xe phóng được về tận cửa. Và những chuyện riêng tư của những người thân quen: cái Hòe mới lấy chồng. Đám cưới hết tận ba tút thuốc lá. Chồng là thằng Vạn ở máy bơm. Đi lấy chồng năm năm tưởng không có gì, vậy mà bây giờ tòi ra một lúc hai thằng cu. Hôm đi bà ấy mang tận một bu gà đầy. Con cái Nguyễn hôm lên huyện biểu diễn được trên về quay phim. Văn công tỉnh cứ về đòi lấy mà nó không ưng... vân vân và vân vân. Rồi chợt nhớ ra bà cụ lại giục anh bạn tôi rới rít bảo sang thăm ông bà Tuấn. Cậu Tuấn mới báo tử tháng trước...

Mới gặp có một lát mà tôi đã nghe lỏm được bao nhiêu sự kiện đã và đang diễn biến ở trong làng. Từ việc sản xuất, ăn chia, đến tình hình gia cảnh của những người quen biết. Biết tin anh bạn tôi về, buổi tối hàng xóm đổ sang chơi, nói chuyện cho mãi tới khuya. Từ căn nhà của bà mẹ nhìn ra, tôi bắt nhận được ở cuộc đời với tất cả cái vẻ mộc mạc chân thực. Tình cảm của những người xung quanh đối với chúng tôi chân thành đến cảm động. Tôi nhớ mãi một buổi tối, chúng tôi đến làm việc với đội văn nghệ nghiệp dư ở thôn bên. Đã khuya còn thấy bà cụ cầm đèn, chống gậy sang đón chúng tôi về uống nước. Dọc đường, tôi cứ ái ngại cho bà cụ vì quãng đường băng đồng vừa xa vừa gập ghềnh. Hơn nữa tôi lo cụ dờ de ra đãi đàng chúng tôi rồi sinh tốn kém. Buổi tối hôm ấy, mùa hạ, lại có trăng muộn. Tắm chiếu gấp nửa trải ra đầu hè. Những củ khoai bắp tư còn bốc khói xếp đầy trên chiếc đĩa men. Nước chè đặc rót ra những chiếc bát sành mắt trâu. Bữa nước chỉ có thế, nhưng đã thành một kỷ niệm nhớ đời. Từ lần ấy, xóm vắng ở cái rốn đồng chiêm này đã thành nơi đi về của tôi. Vụ đông xuân năm sau, ở sân đội bốn, ngay sau nhà bà cụ, mới xây thêm một cái lò thúc mầm. Chị em trong đội giống thường túc trực ở đây. Tôi lại có dịp làm quen thêm với nhiều bạn bè mới. Còn đồng chí phó chủ nhiệm phụ trách kế hoạch của hợp tác lại là cháu gọi bà cụ chủ nhà tôi ở là cô ruột. Tôi đến làm khách trong nhà anh trong dịp kỳ đoạn tang ông cụ thân sinh ra anh, do bà cụ dẫn tôi đi cùng. Rồi chiến tranh ngày càng trở nên ác liệt. Một bộ phận của huyện sơ tán về đây. Mấy đồng chí công tác tại

viện kiểm sát đến đóng trong nhà bà. Việc thẩm vấn, cứu xét những sự kiện mới xảy ra trong huyện được đem ra bàn luận hàng ngày. Đó cũng là một điều kiện cho mối quan hệ với đời sống của tôi càng rộng thêm mãi ra.

Mỗi lần có dịp trở về, từ con đường tỉnh lộ rẽ về thôn, tôi lại hồi hộp đợi chờ những tiếng gọi tên mừng rỡ của những người thân quen. Và ít ra cũng phải vài ba dạo dừng xe chuyện trò, hoặc rẽ vào nhà này nhà kia rồi mới về được tới nơi ở. Tháo cái ba lô đặt vào trong nhà, lòng cảm thấy bình yên để chờ đợi một cách hứng thú về những gì đã xảy ra. Cả những điều sắp xảy ra mà tôi sẽ được biết để cùng vui lo, chứ không phải để biết như một tài liệu chết. Những con người thân quen sau mỗi lần gặp lại cứ hiện dần lên, một lần một rõ, một cụ thể cả trong hành động lẫn tâm tư, hình thành một quan niệm sống vừa hợp lý lại vừa riêng biệt. Lật lại những trang ghi chép của tôi về bà cụ chủ nhà buổi gặp đầu tiên chỉ vền vẹn có mấy dòng, ghi nhận lại vài nhận xét về những ấn tượng đầu tiên khiến tôi có cảm tình và chú ý tới bà cụ. Nhưng tôi sẽ ân hận nếu tôi chỉ đi lướt qua để nhìn thấy ở bà cụ một vẻ mới, riêng biệt và hợp lý đến nỗi khó mà lấy trí tưởng tượng và óc xét đoán ra mà thay thế được. Và thật không ngờ tôi đã tìm thấy ở cái vẻ ngoài của bà mẹ vừa cũ kỹ và nghịch ngợm với cái đầu cạo trọc cũn cũn, cái quần ống lửng chỉ đến lưng ống chân, lúc nào cũng xắn toe lên như cái chạc cây, mà trong lòng chứa chất bao nhiêu tâm tư và có một quan niệm sống thật mới mẻ. Con cả của bà cụ là một cán bộ ở Hà Nội. Anh út đang học đại học, sắp ra trường. Ông anh định thu xếp cho em về Hà Nội công tác rồi để đón mẹ ra luôn thể. Dịp hè cũng đã mấy dạo cậu út về thúc mẹ bán nhà nhưng không xong. Bà cụ thì vẫn chưa nhất quyết bề nào. Cụ thường giải thích với tôi: “Già thì phải theo con thôi, nhưng ví thử cái làng này nó lại đành một nhẽ. Xem ra ai cũng chán làng. Đấy anh xem, thanh niên có còn ai đâu. Về làng ai cũng kêu xa, kêu buồn. Giời đã định phạt cho mình ở đây, mình chả làm nên vui được thì mình chịu buồn chứ trách ai. Chả biết các anh các chị ấy nghĩ thế nào, chứ đi vui góp với thiên hạ tôi cũng không thích. Nhưng xem ra ai cũng giỏi chê chứ đóng góp gì được cho làng. Các anh nhà

tôi cũng thế. Tôi bảo anh út, để anh ra thiếu thán. Nói rõ thẹn: “Hai năm mới biết lần giường. Vậy mà bây giờ cũng sắp thành kỹ sư. Nếu mẹ cũng thấy khó mà chê thì cậu ấy xanh cỏ từ lâu rồi”. Bà cụ vẫn có cái cách nói buồn cười. Nhưng tôi phải giật mình về những ý nghĩ nhân thế ấy. Đó cũng là gợi ý cho tôi về một vở kịch mới. Sự lặp lại nhiều lần việc quan sát một đối tượng là rất cần thiết đối với tôi cho việc hình thành nhân vật. Tuy nhiên đó cũng chưa phải là lý do bức thiết nhất khiến tôi cần phải xây dựng cho mình những vùng quê riêng. Cái bức thiết hơn lại là vấn đề tình cảm. Hiện thực cuộc sống cần phải được nhìn qua cái yêu, cái lo chân thành. Những vấn đề mà tôi muốn nói trong tác phẩm cũng phải có sức giục giã, nóng bỏng của những người mình yêu; chứ không phải là những giả định khô cứng bắt nguồn từ sự xếp đặt thông minh khéo léo của một bàn tay có nghề nghiệp.

Tháng tám năm 1973, tôi nhận được bức thư của một người thân quen trong làng cho hay, cái xóm vắng ấy vừa qua một trận lụt. Mùa màng thất bát. Có cánh đồng chỉ vớt vát được chút đỉnh. Sốt ruột, tôi từ Hà Nội bỏ về thăm. Lần ấy thì tôi hoàn toàn không có ý định thực tế, vì đương mắc viết một vở kịch về đề tài khác. Song đó lại là một chuyến đi nhiều trở trở. Ở làng quê khi mất mùa, dằng dằng một nỗi buồn thật dễ sợ. Bà cụ lại nhận được thư của con trai giục thu xếp cửa nhà để ra Hà Nội ở. Tối hôm ấy cụ cho tôi đọc thư. Hai bà con bàn đến cạn đêm mà vẫn chưa vỡ lẽ. Trời nẫu như đang đồng cơn bão.

Bà cụ luôn tay quạt cho cháu và chuyện với sang. Đêm ấy tôi cũng không sao ngủ được. Những ý nghĩ của bà cụ cứ dội lên và thành một câu hỏi lớn: Cái làng vắng vẻ này đã nuôi dạy nên bao con người? Cán bộ nhỏ, cán bộ to, kỹ sư, bác sĩ cũng nhiều, cả tiến sĩ cũng có nữa chứ. Họ được nuôi lớn lên, rồi rời bỏ hẳn cái làng nghèo này, lãng quên nó trong sự vắng vẻ. Ấy vậy mà có một bà mẹ đêm nay, thao thức mãi không thể rời xa cái làng này giữa lúc nó đang vắng vẻ, nghèo nàn; coi việc xa rời nó là một điều đáng xấu hổ như việc chia tay với một người bạn nghèo, như việc bỏ rơi một đứa con sài đẹn. Bỗng tôi thấy cái nhân nghĩa Việt Nam chói ngời: “Giời đã định phận cho mình ở đây. Mình chẳng làm nên vui được thì mình phải chịu buồn chứ còn dè bieu chi

ai. Chả biết các anh các chị ấy nghĩ thế nào, chứ đi vui góp thiên hạ tôi cũng không thích”. Đó là ý nghĩ của bà cụ. Tôi cũng có thể đem ý nghĩ ấy mà nghĩ về một con người, nghĩ về một vùng đất, và cũng có thể để nghĩ về cái nghèo của đất nước mình một cách không hổ thẹn, nhưng lại chưa làm gì để thay đổi cái nghèo ấy.

Chuyến đi ngoài dự tính này là sự bắt đầu cho một tác phẩm mới: *Xóm vắng* mà tôi đã hoàn thành được trong năm 1974.

Nuôi dưỡng và xây dựng cho mình những vùng quê mới đối với tôi không chỉ để tạo sự phong phú về chất liệu, mà còn là chất men cảm hứng và trách nhiệm đối với ngòi bút.

X.T